

Số: 01 /2026/TTLT-BCA-
VKSNDTC-TANDTC

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2026

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Quy định chi tiết Điều 114 Luật Tư pháp người chưa thành niên về
khiếu nại, tố cáo trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng**

Căn cứ Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch quy định chi tiết Điều 114 Luật Tư pháp người chưa thành niên về khiếu nại, tố cáo trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư liên tịch này quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan, người có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng theo Điều 114 Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15 (sau đây gọi chung là Luật Tư pháp người chưa thành niên).

2. Thông tư liên tịch này không áp dụng đối với khiếu nại, tố cáo trong thi hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Trường giáo dưỡng, người có thẩm quyền, trách nhiệm trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

2. Người khiếu nại, tố cáo, người bị khiếu nại, bị tố cáo, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

Điều 3. Sử dụng mẫu văn bản

Việc ban hành các văn bản trong việc tiếp nhận, phân loại, thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng được thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an.

Chương II

KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TRONG THI HÀNH BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

Điều 4. Người có quyền khiếu nại, thời hiệu khiếu nại

1. Học sinh trường giáo dưỡng hoặc người đại diện của học sinh trường giáo dưỡng (sau đây gọi là người khiếu nại) có quyền khiếu nại đối với hành vi, quyết định của các cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh trường giáo dưỡng.

2. Thời hiệu khiếu nại lần đầu là 30 ngày kể từ ngày nhận hoặc biết được quyết định, hành vi thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng mà người khiếu nại cho rằng có vi phạm pháp luật. Thời hiệu khiếu nại lần hai là 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền.

Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu thì thời gian có lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.

Điều 5. Các trường hợp khiếu nại trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng không được thụ lý giải quyết

1. Quyết định, hành vi bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

2. Người khiếu nại là cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Người đại diện của học sinh trường giáo dưỡng không có giấy tờ chứng minh về việc đại diện hợp pháp của mình.

4. Thời hiệu khiếu nại đã hết.

5. Việc khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Các quyết định, hành vi có thể bị khiếu nại

1. Quyết định có thể bị khiếu nại là các quyết định của Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Trường giáo dưỡng, Tòa án nhân dân có thẩm quyền được ban hành theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên liên quan đến thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, bao gồm:

- a) Quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng;
- b) Quyết định về việc hoãn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;
- c) Quyết định về việc tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;
- d) Quyết định hủy quyết định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;
- đ) Văn bản trả lời không chấp nhận chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;
- e) Quyết định đình chỉ thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;
- g) Quyết định truy tìm người chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh trường giáo dưỡng;
- h) Quyết định khen thưởng hoặc xử lý vi phạm đối với học sinh trường giáo dưỡng;
- i) Các quyết định khác được ban hành theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

2. Hành vi có thể bị khiếu nại là hành vi được thực hiện trong hoạt động thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng của người có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Điều 7. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại

1. Hiệu trưởng Trường giáo dưỡng, Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi bị khiếu nại của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc quyền quản lý.

2. Giám đốc Công an cấp tỉnh giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi bị khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh; quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh.

3. Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi sau đây:

- a) Quyết định, hành vi bị khiếu nại của Hiệu trưởng Trường giáo dưỡng và của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc quyền quản lý của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an;

- b) Quyết định giải quyết khiếu nại của Hiệu trưởng Trường giáo dưỡng.

4. Bộ trưởng Bộ Công an giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi sau đây:

- a) Quyết định, hành vi bị khiếu nại của Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an;

b) Quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an.

5. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Tòa án thực hiện như sau:

a) Chánh án Tòa án nhân dân khu vực, Chánh án Tòa án quân sự khu vực giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Thẩm phán, Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân khu vực, Tòa án quân sự khu vực thuộc quyền quản lý;

b) Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Chánh án Tòa án nhân dân khu vực; Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Chánh án Tòa án quân sự khu vực;

c) Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên Tòa án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu thuộc quyền quản lý;

d) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự Trung ương giải quyết khiếu nại đối với quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu.

6. Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát việc giải quyết khiếu nại của Tòa án, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 113 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Khi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Viện kiểm sát có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ sau đây:

a) Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết khiếu nại;

b) Ra văn bản giải quyết khiếu nại trong trường hợp đã hết thời hạn giải quyết khiếu nại nhưng chưa ban hành văn bản giải quyết theo quy định của pháp luật;

c) Kiểm tra việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền và của cấp dưới trong trường hợp Viện kiểm sát có căn cứ xác định cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết có dấu hiệu vi phạm trong việc giải quyết khiếu nại.

7. Trong thời hạn 07 ngày hoặc 15 ngày đối với trường hợp có lý do khách quan kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tại điểm b khoản 6 Điều này, 15 ngày hoặc 30 ngày đối với trường hợp có lý do khách quan kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tại điểm a và điểm c khoản 6 Điều này, cơ quan được yêu cầu thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát. Trường hợp có lý do khách quan cần kéo dài thời hạn thì cơ quan được yêu cầu có văn bản thông báo lý do cho Viện kiểm sát.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Người khiếu nại được khiếu nại trong bất kỳ thời gian nào của quá trình thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng; rút khiếu nại trong bất kỳ thời gian nào của quá trình giải quyết khiếu nại; được nhận văn bản trả lời về việc thụ

lý giải quyết khiếu nại, nhận quyết định giải quyết khiếu nại và được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Người khiếu nại phải trình bày trung thực sự việc, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc khiếu nại cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp các thông tin, tài liệu đó và chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành.

Điều 9. Trách nhiệm của người bị khiếu nại trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Giải trình về quyết định, hành vi trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng bị khiếu nại, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu.

2. Chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành.

3. Bồi hoàn, khắc phục hậu quả do quyết định, hành vi trái pháp luật của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

4. Người bị khiếu nại được thông báo về nội dung khiếu nại; đưa ra chứng cứ về tính hợp pháp của quyết định, hành vi thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng bị khiếu nại và được nhận quyết định giải quyết khiếu nại.

Điều 10. Thời hạn giải quyết khiếu nại

1. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 15 ngày, kể từ ngày thụ lý.

2. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý.

3. Trường hợp cần thiết, đối với những vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có thể kéo dài thêm nhưng không quá 30 ngày.

Điều 11. Tiếp nhận, phân loại, xử lý khiếu nại

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết, người có thẩm quyền phải phân công đơn vị thuộc quyền kiểm tra về điều kiện thụ lý. Tùy từng trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý như sau:

a) Khiếu nại đủ điều kiện thụ lý thì phải thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật và thông báo việc thụ lý bằng văn bản đến người khiếu nại;

b) Khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý thì trả lại đơn và nêu rõ lý do không thụ lý;

c) Khiếu nại chưa đủ thông tin, tài liệu về điều kiện thụ lý thì yêu cầu người khiếu nại bổ sung để thụ lý;

d) Khiếu nại có nhiều nội dung và thuộc thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan thì hướng dẫn cho người khiếu nại viết thành đơn riêng.

2. Khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết, tùy từng trường hợp cơ quan, người tiếp nhận khiếu nại xử lý như sau:

a) Khiếu nại quyết định, hành vi trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, quyết định giải quyết khiếu nại trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thì chuyển đơn đến cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết, đồng thời thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại;

b) Khiếu nại không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì hướng dẫn người khiếu nại gửi đến cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết, việc hướng dẫn chỉ thực hiện một lần. Trường hợp người khiếu nại gửi kèm giấy tờ, tài liệu là bản gốc thì phải trả lại giấy tờ, tài liệu đó cho người đã gửi đơn; nếu trả lại qua dịch vụ bưu chính thì phải gửi bảo đảm.

3. Trường hợp người khiếu nại trực tiếp đến khiếu nại và không thể tự viết đơn thì cơ quan, người tiếp nhận khiếu nại phải lập biên bản và gửi đến cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Điều 12. Trình tự, thủ tục thụ lý và giải quyết khiếu nại

1. Đối với các khiếu nại thuộc thẩm quyền và đủ điều kiện thụ lý, trong thời hạn giải quyết khiếu nại, cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại (sau đây gọi chung là người giải quyết khiếu nại) phải thụ lý và thực hiện các thủ tục như sau:

a) Kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định, hành vi của người bị khiếu nại, quyết định giải quyết khiếu nại bị khiếu nại.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, nếu thấy đủ căn cứ giải quyết và không cần phải xác minh nội dung khiếu nại thì người giải quyết khiếu nại ra quyết định giải quyết khiếu nại ngay.

Trường hợp cần phải xác minh nội dung khiếu nại, người giải quyết khiếu nại tự mình xác minh hoặc phân công người tiến hành xác minh nội dung khiếu nại;

b) Trong quá trình xác minh, người được phân công giải quyết có thể đề nghị người khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ để làm rõ nội dung khiếu nại. Trường hợp kết quả xác minh nội dung khiếu nại và yêu cầu của người khiếu nại còn khác nhau, nếu thấy cần thiết thì người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại;

c) Khi thời hạn xác minh nội dung khiếu nại đã hết, nhưng nội dung xác minh chưa thực hiện xong thì người được phân công giải quyết khiếu nại báo cáo người giải quyết khiếu nại xem xét, quyết định gia hạn thời hạn xác minh. Thời hạn gia hạn xác minh không vượt quá thời hạn giải quyết khiếu nại;

d) Trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra;

đ) Kết thúc việc xác minh, người được phân công xác minh phải có văn bản báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại và đề xuất hướng giải quyết;

e) Ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Trường hợp người khiếu nại rút khiếu nại thì ban hành quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại.

2. Việc giải quyết khiếu nại phải được lập hồ sơ. Hồ sơ giải quyết khiếu nại bao gồm: Đơn khiếu nại hoặc văn bản ghi nội dung khiếu nại; văn bản giải trình của người bị khiếu nại; tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp; biên bản kiểm tra, xác minh, kết luận, kết quả giám định (nếu có); biên bản làm việc, biên bản tổ chức đối thoại (nếu có); quyết định giải quyết khiếu nại; quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan. Hồ sơ giải quyết khiếu nại phải được đánh số bút lục theo thứ tự tài liệu và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Sau khi thụ lý khiếu nại, người giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 7 của Thông tư liên tịch này tiến hành xác minh, yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc khiếu nại; gặp cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại và ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực thi hành nếu trong thời hiệu khiếu nại mà người khiếu nại không khiếu nại tiếp.

Điều 14. Nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Ngày, tháng, năm ra quyết định.
2. Tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại.
3. Nội dung khiếu nại.
4. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại.
5. Kết quả đối thoại (nếu có).
6. Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại.
7. Kết luận về nội dung khiếu nại là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ.
8. Giữ nguyên, sửa đổi, hủy bỏ hoặc yêu cầu sửa đổi, hủy bỏ một phần quyết định bị khiếu nại hoặc buộc chấm dứt việc thực hiện quyết định, hành vi bị khiếu nại.

Trường hợp người giải quyết khiếu nại ra quyết định hủy bỏ quyết định không chấp nhận hoãn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thì người giải quyết khiếu nại quyết định tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

9. Việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do quyết định, hành vi trái pháp luật gây ra (nếu có).

10. Hướng dẫn quyền khiếu nại lần hai.

Điều 15. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Trường hợp tiếp tục khiếu nại thì người khiếu nại phải gửi đơn kèm theo quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và các tài liệu có liên quan cho người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

2. Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại có quyền yêu cầu người giải quyết khiếu nại lần đầu, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại; triệu tập người bị khiếu nại, người khiếu nại khi cần thiết; xác minh, tiến hành các biện pháp khác theo quy định của pháp luật để giải quyết khiếu nại. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi nhận được yêu cầu phải thực hiện đúng các yêu cầu đó.

3. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực thi hành.

Điều 16. Nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần hai trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Ngày, tháng, năm ra quyết định.
2. Tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại.
3. Nội dung khiếu nại.
4. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại.
5. Kết quả đối thoại (nếu có).
6. Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại.
7. Kết luận về nội dung khiếu nại và việc giải quyết của người giải quyết khiếu nại lần đầu.
8. Giữ nguyên, sửa đổi, hủy bỏ hoặc yêu cầu sửa đổi, hủy bỏ một phần quyết định bị khiếu nại hoặc buộc chấm dứt thực hiện quyết định, hành vi bị khiếu nại; việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do quyết định, hành vi trái pháp luật gây ra.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, người giải quyết khiếu nại

1. Cơ quan, người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận khiếu nại, ghi chép đầy đủ nội dung khiếu nại vào sổ thụ lý hoặc sổ theo dõi, giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật và gửi quyết định giải quyết khiếu nại hoặc quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại; báo cáo hoặc thông báo kết quả giải quyết khiếu nại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển đơn đến.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý (trong trường hợp thụ lý), ban hành quyết định giải quyết khiếu nại hoặc quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Trường giáo dưỡng, Tòa án phải gửi văn bản thông báo thụ lý, quyết định giải quyết khiếu nại hoặc quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại (nếu có) cho Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc

giải quyết khiếu nại theo quy định tại khoản 2 Điều 113 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan, cá nhân có quyết định, hành vi, quyết định giải quyết khiếu nại bị khiếu nại có trách nhiệm giải trình bằng văn bản, cung cấp hồ sơ, thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại theo yêu cầu của người giải quyết khiếu nại.

Việc giải trình, cung cấp hồ sơ, thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến khiếu nại, giải quyết khiếu nại được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu.

4. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết khiếu nại của mình.

Chương III

TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO TRONG THI HÀNH BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

Điều 18. Người có quyền tố cáo

Học sinh trường giáo dưỡng và mọi công dân có quyền tố cáo với cơ quan, người có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ người có thẩm quyền nào trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng mà gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo

Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Tố cáo.

Điều 20. Thẩm quyền giải quyết tố cáo và kiểm sát việc giải quyết tố cáo

1. Thẩm quyền giải quyết tố cáo của lực lượng Công an nhân dân được thực hiện như sau:

a) Hiệu trưởng Trường giáo dưỡng, Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của người thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của Hiệu trưởng Trường giáo dưỡng và hành vi vi phạm pháp luật của người thuộc thẩm quyền quản lý; Giám đốc Công an cấp tỉnh giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh;

c) Bộ trưởng Bộ Công an giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an.

2. Thẩm quyền giải quyết tố cáo của Tòa án thực hiện như sau:

a) Chánh án Tòa án nhân dân khu vực, Chánh án Tòa án quân sự khu vực giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên Tòa án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân khu vực, Tòa án quân sự khu vực thuộc quyền quản lý;

b) Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của Chánh án Tòa án nhân dân khu vực; Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật Chánh án Tòa án quân sự khu vực;

c) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự Trung ương giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu.

3. Viện kiểm sát các cấp có thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của người thuộc thẩm quyền quản lý và kiểm sát việc giải quyết tố cáo của Tòa án, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 113 Luật Tư pháp người chưa thành niên và thực hiện tương tự khoản 6, khoản 7 Điều 7 Thông tư liên tịch này.

Điều 21. Thời hạn giải quyết tố cáo

1. Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo 02 lần, mỗi lần không quá 30 ngày.

2. Tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm được giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 22. Tiếp nhận, phân loại, xử lý tố cáo

Khi nhận được tố cáo, cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận tố cáo xem xét, phân loại, xử lý như sau:

1. Đối với tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì trong thời hạn 07 ngày kể từ khi tiếp nhận tố cáo, người có thẩm quyền phải tiến hành kiểm tra, xác minh về họ tên, địa chỉ của người tố cáo và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về tố cáo. Trường hợp người tố cáo trực tiếp đến tố cáo thì phải yêu cầu người tố cáo nêu rõ họ tên, địa chỉ, xuất trình giấy tờ tùy thân.

Tố cáo đủ điều kiện thụ lý thì cơ quan, người có thẩm quyền thụ lý để giải quyết, thông báo việc thụ lý bằng văn bản cho người tố cáo nếu có yêu cầu. Tố cáo không đủ điều kiện thụ lý thì thông báo bằng văn bản cho người tố cáo về việc không thụ lý giải quyết tố cáo.

2. Tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chuyển đơn hoặc biên bản ghi nội dung tố cáo, các tài liệu, chứng cứ liên quan cho cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo nếu có yêu cầu.

3. Không xem xét, giải quyết đơn tố cáo không rõ họ tên, địa chỉ, hoặc sử dụng họ tên của người khác; hoặc nội dung tố cáo đã được cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết mà người tố cáo không đưa ra được chứng cứ mới. Nếu thông tin tố cáo không rõ tên người tố cáo nhưng cung cấp tài liệu, chứng cứ cụ thể về hành vi vi phạm pháp luật của người bị tố cáo thì cơ quan, tổ chức tiếp nhận đơn tiến hành thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để tiến hành thanh tra, kiểm tra phục vụ công tác quản lý.

4. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật ngoài hoạt động thi hành biện pháp giáo dục tại Trường giáo dưỡng thì xử lý theo quy định của Luật Tố cáo và pháp luật có liên quan.

Điều 23. Trình tự, thủ tục thụ lý và giải quyết tố cáo

1. Đối với tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết và đủ điều kiện thụ lý, trong thời hạn giải quyết tố cáo theo quy định tại Điều 21 Thông tư liên tịch này, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo thực hiện các thủ tục sau:

a) Ban hành quyết định xác minh nội dung tố cáo. Trường hợp người giải quyết tố cáo không trực tiếp tiến hành xác minh thì ra quyết định phân công người tiến hành xác minh nội dung tố cáo;

b) Làm việc với người tố cáo, yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ để làm rõ nội dung tố cáo. Trường hợp không làm việc trực tiếp với người tố cáo vì lý do khách quan thì có văn bản yêu cầu người tố cáo cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng để làm rõ nội dung tố cáo;

c) Làm việc với người bị tố cáo, yêu cầu giải trình về những nội dung bị tố cáo và cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung bị tố cáo. Trong trường hợp giải trình của người bị tố cáo chưa rõ, thông tin, tài liệu, chứng cứ do người bị tố cáo cung cấp chưa đầy đủ thì yêu cầu người bị tố cáo tiếp tục giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ về các vấn đề còn chưa rõ;

d) Ban hành văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung tố cáo. Trong trường hợp cần thiết, người xác minh trực tiếp làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung tố cáo;

đ) Trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn kịp thời hành vi bị tố cáo gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, tính mạng, sức khỏe, tài sản của cá nhân;

e) Khi thời hạn xác minh nội dung tố cáo đã hết, nhưng nội dung xác minh chưa thực hiện xong thì người giải quyết tố cáo xem xét gia hạn thời hạn xác minh. Thời hạn gia hạn xác minh không vượt quá thời hạn giải quyết tố cáo;

g) Kết thúc xác minh, người được phân công xác minh phải có văn bản báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo và đề xuất hướng giải quyết;

h) Ban hành quyết định giải quyết tố cáo.

2. Việc giải quyết tố cáo phải được lập hồ sơ. Hồ sơ giải quyết tố cáo bao gồm: Đơn tố cáo hoặc biên bản ghi nội dung tố cáo (nếu có); văn bản thông báo việc thụ lý tố cáo; quyết định phân công xác minh, kế hoạch xác minh nội dung tố cáo; văn bản giải trình về hành vi bị tố cáo; biên bản làm việc với người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông tin, tài liệu, chứng cứ đã thu thập được; kết quả giám định (nếu có); báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo; quyết định giải quyết tố cáo; các tài liệu khác có liên quan. Hồ sơ giải quyết tố cáo phải được đánh số bút lục theo thứ tự tài liệu và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong giải quyết tố cáo

1. Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận đơn tố cáo, lập biên bản ghi nội dung tố cáo khi người tố cáo trực tiếp đến trình bày việc tố cáo (trường hợp cần thiết có thể ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh); ghi chép đầy đủ nội dung tố cáo vào sổ thụ lý hoặc sổ theo dõi, giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật; thông báo việc thụ lý, gửi quyết định giải quyết tố cáo cho người tố cáo, người bị tố cáo; thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho cơ quan quản lý người bị tố cáo; báo cáo hoặc thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển đơn đến.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý hoặc ban hành quyết định giải quyết tố cáo, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Trường giáo dưỡng, Tòa án phải gửi văn bản thông báo thụ lý hoặc quyết định giải quyết tố cáo cho Viện kiểm sát cùng cấp để tiến hành kiểm sát việc giải quyết tố cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 113 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung tố cáo có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ, vật chứng (nếu có) và báo cáo bằng văn bản về nội dung liên quan đến hành vi bị tố cáo theo yêu cầu của người giải quyết tố cáo trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

4. Người giải quyết tố cáo, người được phân công xác minh nội dung tố cáo phải giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo theo yêu cầu của họ; kịp thời yêu cầu cơ quan chức năng bảo vệ người tố cáo trong trường hợp họ bị đe dọa, trả thù, trù dập.

5. Trong quá trình giải quyết tố cáo, nếu phát hiện thấy hành vi thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng có vi phạm pháp luật thì người giải quyết tố cáo phải áp dụng biện pháp để ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cho đến khi có kết quả giải quyết tố cáo; nếu thấy có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển đơn tố cáo hoặc biên bản ghi nội dung tố cáo và tài liệu, chứng cứ liên quan đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Trường hợp người bị tố cáo có hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý. Nếu xác định tố cáo là sai sự thật thì phải khôi phục hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra; đồng thời, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **23** tháng **4** năm 2026.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư liên tịch này trong ngành mình.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vướng mắc cần hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thông báo cho Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao để kịp thời hướng dẫn, giải quyết. **4**

KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN



Nguyễn Văn Tiên

KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Dũng

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG



Thượng tướng Lê Văn Tuyến

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Bộ Công an;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;
- Công báo;
- Lưu: VT BCA, VKSNDTC, TANDTC.